

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Lan
2. Ông Nguyễn Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng.– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hoài T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Xóm B, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Đình Duy H, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Xóm A, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2023, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 11/7/2023, bản tự khai ngày 04/8/2023, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh Đình Duy H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 29/01/2019 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại N. Thời gian đầu, tình cảm vợ chồng đầm ấm hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không

hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Gia đình cha mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã li thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Đinh Duy H.](#)

Vợ chồng có con chung [Đinh Bùi Phương U](#), sinh ngày 20/01/2020. Khi ly hôn, chị [Thương yêu c](#) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu [Đinh Bùi Phương U](#); không yêu cầu anh [H](#) phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có một căn nhà làm trên đất của cha mẹ, chị tự thỏa thuận với anh [H](#) là chị xin nhận căn nhà, chị thôi tiền lại cho anh [H](#) và đã thực hiện xong, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày ngày 25/9/2023, anh [Đinh Duy H](#) trình bày: Vợ chồng có kết hôn và đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng mâu thuẫn nhưng không đến mức như chị [T](#) trình bày. Anh còn tình cảm với chị [T](#). Nếu chị [T](#) cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung, đúng như chị [T](#) trình bày. Anh đồng ý giao con cho chị [T](#) nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng có một căn nhà làm trên đất của cha mẹ chị [T](#) năm 2021, anh tự thỏa thuận với chị [T](#). Anh giao nhà cho chị [T](#) được trọn quyền sở hữu, sử dụng, chị [T](#) phải thôi lại tiền cho anh, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Tại biên bản xác minh ngày 01/8/2023, Hội liên hiệp phụ nữ [xã N](#): Về con chung đề nghị giải quyết theo sự thỏa thuận của vợ chồng chị [T](#), trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nhưng đảm bảo sự phát triển toàn diện cho các cháu.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 27, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị [T](#) được ly hôn với anh [H](#); giao con chung [Đinh Bùi Phương U](#), sinh ngày 20/01/2020 cho chị [T](#) tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh [H](#) tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại [huyện T, tỉnh Quảng Ngãi](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị [Bùi Thị Hoài T](#) và anh [Đinh Duy H](#) tự nguyện tìm hiểu, được đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã N](#) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 29/01/2019 là hôn nhân hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Trong quá trình chung sống vợ chồng chị [T](#), anh [H](#) bất đồng quan điểm, không hoà hợp trong tình cảm; giữa anh chị không có tiếng nói chung. Tình cảm giữa anh chị không còn, không thể hiện được sự yêu thương, chăm sóc và không cùng nhau chia sẻ công việc, xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để anh chị hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng anh [H](#) không có mặt. Anh chị đã li thân từ tháng 10 năm 2022. Như vậy, đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị [T](#), anh [H](#) là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị [T](#), chị [T](#) được ly hôn với anh [H](#).

[2.3] Về con chung, chị [T](#), anh [H](#) thống nhất giao con chung [Đinh Bùi Phương U](#), sinh ngày 20/01/2020 cho chị [T](#) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, tự nguyện và được chấp nhận.

[2.4] Tạm thời anh [H](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh [H](#) được quyền đến thăm và chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh thực hiện quyền này.

[2.5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, thống nhất chị [T](#) nhận tài sản là nhà và được quyền sở hữu, sử dụng, chị có nghĩa vụ bồi lại giá trị cho anh [H](#), không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: chị [T](#), anh [H](#) trình bày không có nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng hành dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị [Bùi Thị Hoài T](#) phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 27, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; áp dụng Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Bùi Thị Hoài T](#). Chị [Bùi Thị Hoài T](#) được ly hôn với anh [Đình Duy H](#).

2. Giao con [Đình Bùi Phương U](#), sinh ngày 20/01/2020 cho chị [T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời anh [H](#) không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi có lý do chính đáng, chị [T](#), anh [H](#) có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị [Bùi Thị Hoài T](#) phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị [T](#) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **0006567 ngày 12/7/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chị [T](#), anh [H](#) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thắng;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thanh Hòa

